

**KẾT QUẢ ĐIỂM THI**  
**SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐỢT 1, NĂM 2026 (LẦN 1)**

Ngày thi: ngày 23/5/2026.

Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp - Số 156/109 Trường Chinh, Cụm CN Đồng Hoà, Phường Kiến An, thành phố Hải Phòng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
1	1	Phạm Thị An	16/07/1990	Thành phố Hải Phòng	031190008333	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	86	Đạt	
2	2	Vũ Thị Khánh An	21/07/1989	Thành phố Hải Phòng	031189004641	04/08/2025	Bộ Công an	94	91	Đạt	
3	3	Đặng Thị Hồng An	21/11/1978	Thành Phố Hà Nội	001178031659	16/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	82	91	Đạt	
4	4	Chu Văn An	16/05/1991	Tỉnh Bắc Ninh	024091000177	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	98	100	Đạt	
5	5	Lê Công Tuấn Anh	12/05/1991	Thành phố Hà Nội	001091027732	18/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	50	79	Không đạt	
6	6	Phùng Lan Anh	14/04/1975	Tỉnh Ninh Bình	036175010287	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	50	68	Không đạt	
7	7	Mai Thị Mỹ Anh	07/03/1982	Thành phố Hải Phòng	031182017624	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	89	Đạt	
8	8	Đào Duy Anh	23/09/1984	Thành phố Hà Nội	001084013877	17/12/2024	Bộ Công an	70	78	Đạt	
9	9	Trần Ngọc Anh	06/12/1993	Tỉnh Quảng Ninh	022093014067	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	85	Đạt	
10	10	Trần Thị Vân Anh	21/09/1980	Thành phố Hải Phòng	030180000125	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	93	92	Đạt	
11	11	Lập Tùy Anh	13/03/1982	Thành phố Hải Phòng	031182014054	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	79	Không đạt	
12	12	Hoàng Thị Lan Anh	19/10/1985	Thành phố Hải Phòng	031185004093	22/09/2025	Bộ Công an	90	92	Đạt	
13	13	Phạm Thị Phương Anh	28/11/1999	Thành phố Hải Phòng	031199002544	12/11/2024	Bộ Công an	79	91	Đạt	
14	14	Đặng Thị Vân Anh	06/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031193007495	22/08/2025	Bộ Công an	74	69	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
15	15	Trần Tuấn Anh	09/07/1991	Thành phố Hải Phòng	031091012650	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	81	Không đạt	
16	16	Nguyễn Diệu Anh	16/09/1991	Thành Phố Hà Nội	001191023790	10/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	94	97	Đạt	
17	17	Hoàng Xuân Anh	21/01/2002	Thành phố Hải Phòng	031202000590	20/04/2021	Bộ Công an	78	96	Đạt	
18	18	Phạm Tuấn Anh	08/07/1983	Thành phố Hải Phòng	031083023361	17/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	88	93	Đạt	
19	19	Nguyễn Thị Phương Anh	10/03/2001	Thành phố Hải Phòng	031301000077	19/03/2026	Bộ Công an	79	97	Đạt	
20	20	Nguyễn Phương Anh	10/03/2002	Tỉnh Bắc Ninh	027302010056	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	85	96	Đạt	
21	21	Trần Thị Vân Anh	18/11/2001	Tỉnh Ninh Bình	037301000578	20/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	85	Đạt	
22	22	Phạm Ngọc Minh Anh	25/10/2003	Tỉnh Đắk Lắk	066303002675	05/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	93	100	Đạt	
23	23	Nguyễn Thị Hồng Anh	18/12/1994	Tỉnh Phú Thọ	025194014076	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	83	95	Đạt	
24	24	Nguyễn Minh Anh	29/07/1994	Thành phố Hà Nội	001194002887	31/10/2024	Bộ Công an	95	99	Đạt	
25	25	Phan Quang Anh	07/09/1990	Tỉnh Hưng Yên	034090007181	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	99	Đạt	
26	26	Lê Tuấn Anh	27/09/1993	Tỉnh Quảng Ninh	022093005788	14/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	83	95	Đạt	
27	27	Bùi Thị Vân Anh	07/02/1991	Thành phố Hải Phòng	031191003870	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	96	Đạt	
28	28	Nguyễn Phương Anh	15/03/1994	Thành phố Hải Phòng	030194014733	09/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	95	100	Đạt	
29	29	Nguyễn Huy Anh	05/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	038089015192	26/09/2024	Bộ Công an	80	91	Đạt	
30	30	Trần Nam Anh	09/08/2003	Thành phố Hà Nội	001203003679	31/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	57	62	Không đạt	
31	31	Đông Thị Minh Ánh	31/10/2005	Thành phố Hải Phòng	030305008206	05/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	87	Đạt	
32	32	Lê Thị Bách	30/08/1981	Tỉnh Hưng Yên	033181001242	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	83	92	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
33	33	Vi Thị Bách	28/11/1986	Tỉnh Lạng Sơn	020186008532	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	84	Không đạt	
34	34	Nguyễn Thị Bích	14/02/1985	Thành phố Hải Phòng	031185009068	06/03/2025	Bộ Công an	91	92	Đạt	
35	35	Đào Thị Bích	16/08/1989	Thành phố Hải Phòng	031189011316	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	94	Không đạt	
36	36	Trần Đình Biên	28/02/1983	Tỉnh Hưng Yên	034083008567	07/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	88	86	Đạt	
37	37	Vũ Thành Bình	12/02/1975	Thành phố Hải Phòng	031075017330	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	62	74	Không đạt	
38	38	Phạm Ngọc Bình	03/11/1984	Thành phố Hải Phòng	031084009030	28/11/2024	Bộ Công an	45	83	Không đạt	
39	39	Đình Ninh Bình	18/11/1992	Thành phố Hải Phòng	031092015485	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	94	Đạt	
40	40	Đỗ Thị Thanh Bình	06/09/1990	Thành phố Hải Phòng	031190008040	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	77	Đạt	
41	41	Nguyễn Văn Bình	19/04/1995	Tỉnh Bắc Ninh	024095007144	07/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	99	Đạt	
42	42	Võ Thị Xuân Bông	27/07/1989	Tỉnh Khánh Hòa	058189007918	14/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	72	81	Đạt	
43	43	Nguyễn Đức Cảnh	16/07/2004	Tỉnh Ninh Bình	036204013447	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	90	Không đạt	
44	44	Lê Hữu Cảnh	04/07/1986	Tỉnh Thanh Hóa	038086007768	06/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	92	98	Đạt	
45	45	Lê Thị Chiêm	03/10/1986	Thành phố Hải Phòng	031186001662	23/03/2026	Bộ Công an	69	82	Không đạt	
46	46	Phạm Thế Chinh	08/06/1983	Thành phố Hải Phòng	030083003471	03/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	68	90	Không đạt	
47	47	Lê Thị Chinh	24/09/1989	Tỉnh Bắc Ninh	024189013625	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	62	78	Không đạt	
48	48	Nguyễn Thị Thu Chúc	29/09/1986	Thành phố Hải Phòng	031186001346	16/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	88	94	Đạt	
49	49	Đào Ngọc Chung	08/12/1974	Thành phố Hà Nội	001074016224	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	76	Không đạt	
50	50	Phạm Văn Chung	31/12/1987	Thành phố Hải Phòng	031087017780	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	89	96	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
51	51	Đỗ Văn Chương	15/10/1986	Thành phố Hải Phòng	031086002713	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	72	Đạt	
52	52	Phan Thanh Chương	14/02/1987	Thành phố Hải Phòng	031087007082	07/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	69	94	Không đạt	
53	53	Nguyễn Phú Cường	02/12/2007	Thành phố Hải Phòng	031207012994	22/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	42	50	Không đạt	
54	54	Nguyễn Đình Cường	29/10/1996	Tỉnh Hưng Yên	034096006722	18/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	92	97	Đạt	
55	55	Hà Thị Đạo	26/08/1984	Tỉnh Thanh Hoá	038184000448	28/08/2024	Bộ Công an	61	69	Không đạt	
56	56	Bùi Văn Đạt	20/08/1993	Thành phố Hà Nội	001093003782	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	95	98	Đạt	
57	57	Mai Như Điển	14/04/1981	Tỉnh Ninh Bình	017081008151	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	56	67	Không đạt	
58	58	Ngô Vũ Thanh Diệp	07/09/1983	Tỉnh Lạng Sơn	020183002115	15/10/2025	Bộ Công an	66	78	Không đạt	
59	59	Nguyễn Thị Diệu	25/10/1988	Thừa Thiên Huế	046188000010	28/10/2024	Bộ Công an	81	94	Đạt	
60	60	Cao Đức Định	02/03/1986	Thành phố Hải Phòng	031086011940	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	88	94	Đạt	
61	61	Phạm Thế Đoan	09/07/1984	Tỉnh Quảng Ninh	022084001547	09/07/2025	Bộ Công an	72	81	Đạt	
62	62	Hoàng Bá Đoàn	16/04/1982	Thành phố Hải Phòng	031082008710	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	86	93	Đạt	
63	63	Trần Đức Đoàn	07/02/1989	Tỉnh Ninh Bình	036089011897	27/09/2024	Bộ Công an	72	87	Đạt	
64	64	Trần Thị Doanh	17/09/1982	Tỉnh Hưng Yên	034182005170	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	91	Không đạt	
65	65	Nguyễn Văn Đông	28/06/1991	Thành phố Hà Nội	001091025025	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	58	91	Không đạt	
66	66	Nguyễn Đình Đông	17/04/2000	Thành phố Hải Phòng	030200011957	09/04/2025	Bộ Công an	62	79	Không đạt	
67	67	Lê Đình Dự	03/05/1987	Tỉnh Thanh Hoá	038087015232	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	56	76	Không đạt	
68	68	Phạm Thị Dự	21/05/1981	Thành phố Hải Phòng	031181003139	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	84	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
69	69	Luu Quang Đức	06/02/1986	Thành phố Hải Phòng	031086002726	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	84	Không đạt	
70	70	Nguyễn Hữu Đức	27/08/1984	Thành phố Hà Nội	001084006292	03/10/2024	Bộ Công an	59	78	Không đạt	
71	71	Cao Việt Đức	07/11/1986	Tỉnh Đắk Lắk	066086000032	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	79	Không đạt	
72	72	Bùi Minh Đức	30/12/1995	Thành phố Hải Phòng	031095004263	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	73	Đạt	
73	73	Nguyễn Trung Đức	24/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089006562	20/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	79	92	Đạt	
74	74	Nguyễn Thị Kiều Dung	25/05/1989	Thành phố Hà Nội	001189003664	07/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	80	Không đạt	
75	75	Lều Thị Kim Dung	22/07/1975	Thành phố Hải Phòng	030175005848	20/10/2025	Bộ Công an	52	93	Không đạt	
76	76	Đồng Thị Dung	05/05/1977	Thành phố Hải Phòng	030177000333	13/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	74	95	Đạt	
77	77	Trần Thuỳ Dung	06/11/1986	Thành phố Hải Phòng	030186000715	14/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	50	86	Không đạt	
78	78	Lê Thị Dung	16/08/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022189001123	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	89	Đạt	
79	79	Vũ Thị Kim Dung	27/04/1991	Thành Phố Hà Nội	001191051925	16/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	79	98	Đạt	
80	80	Trần Đình Dũng	05/11/1988	Thành phố Hải Phòng	031088017587	23/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	90	88	Đạt	
81	81	Nguyễn Văn Dũng	15/08/1992	Thành phố Hà Nội	001092018877	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	48	70	Không đạt	
82	82	Lã Ngọc Dũng	09/06/1979	Thành phố Hải Phòng	030079001123	27/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	78	Đạt	
83	83	Nguyễn Tiến Dũng	19/04/1986	Thành phố Hà Nội	001086003569	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	94	Đạt	
84	84	Vũ Xuân Dũng	01/08/1981	Thành phố Hải Phòng	031081000390	23/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	93	96	Đạt	
85	85	Nguyễn Trung Dũng	25/12/1989	Tỉnh Cao Bằng	004089000440	07/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	87	Đạt	
86	86	Trần Tiến Dũng	31/10/1990	Liên Bang Nga	231090000044	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	85	82	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
87	87	Lê Anh Dũng	10/06/1995	Thành Phố Hà Nội	001095003828	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	93	Không đạt	
88	88	Nguyễn Thị Dũng	06/06/1979	Tỉnh Bắc Ninh	024179000773	04/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	87	Đạt	
89	89	Vũ Đình Dũng	20/08/1969	Tỉnh Ninh Bình	036069006734	07/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	68	83	Không đạt	
90	90	Lưu Duy Dũng	20/07/1986	Thành phố Hải Phòng	031086001186	12/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	72	87	Đạt	
91	91	Nguyễn Thế Dũng	13/07/2004	Tỉnh Quảng Ninh	022204005216	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	74	92	Đạt	
92	92	Nguyễn Thị Thủy Dương	25/07/1987	Thành phố Hải Phòng	031187004479	10/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	80	Đạt	
93	93	Nguyễn Thị Dương	16/08/1995	Thành phố Hải Phòng	031195003323	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	82	96	Đạt	
94	94	Phạm Quý Dương	08/07/1984	Tỉnh Sơn La	014084005045	10/08/2024	Bộ Công an	73	91	Đạt	
95	95	Nguyễn Hoàng Duy	10/06/1981	Thành phố Hải Phòng	031081023697	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	83	Đạt	
96	96	Nguyễn Văn Duyên	15/10/1988	Tỉnh Thái Nguyên	019088009906	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
97	97	Nguyễn Thị Giang	08/10/1993	Tỉnh Lào Cai	015193012212	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	73	Không đạt	
98	98	Trần Trường Giang	15/03/1986	Thành phố Hà Nội	035086004696	02/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	86	78	Đạt	
99	99	Phạm Thanh Giang	17/04/1995	Thành phố Hải Phòng	031195000458	04/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	71	73	Đạt	
100	100	Nguyễn Thị Thúy Giang	10/05/1997	Tỉnh Ninh Bình	036197012856	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	81	Đạt	
101	101	Lê Thị Thùy Giang	24/02/1979	Tỉnh Hưng Yên	033179005113	14/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	86	Đạt	
102	102	Vũ Thị Giang	01/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031193006370	07/01/2025	Bộ Công an	69	84	Không đạt	
103	103	Chu Văn Giang	28/05/1991	Tỉnh Bắc Ninh	024091004145	12/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	68	93	Không đạt	
104	104	Nguyễn Thị Bích Hà	31/07/1980	Thành phố Hải Phòng	031080018832	14/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	72	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
105	105	Mai Thị Hà	13/07/1976	Thành phố Hải Phòng	036176000216	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	52	83	Không đạt	
106	106	Nguyễn Thị Hà	29/10/1986	Thành phố Hải Phòng	031186007910	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	84	Đạt	
107	107	Nguyễn Việt Hà	10/05/1994	Tỉnh Phú Thọ	025094002197	16/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	66	Không đạt	
108	108	Lê Thị Thúy Hà	17/11/1982	Tỉnh Hưng Yên	033182010017	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	72	Đạt	
109	109	Hồ Thủy Ngân Hà	08/08/1984	Thành Phố Hà Nội	042184001002	18/09/2024	Bộ Công an	53	72	Không đạt	
110	110	Hà Anh Hải	30/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031086015437	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	91	88	Đạt	
111	111	Nguyễn Văn Hải	18/11/1980	Thành phố Hà Nội	001080021783	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	71	Không đạt	
112	112	Nguyễn Bá Hải	21/03/1982	Tỉnh Hưng Yên	001082009265	09/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	Vắng	Vắng	
113	113	Lê Văn Hải	14/02/1998	Tỉnh Quảng Ninh	022098001878	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	94	Không đạt	
114	114	Mai Hoàng Hải	28/05/1982	Tỉnh Hưng Yên	034082008324	19/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	73	95	Đạt	
115	115	Nguyễn Thanh Hải	12/09/1983	Thành phố Hà Nội	001083043171	23/02/2026	Bộ Công an	55	70	Không đạt	
116	116	Trịnh Mạnh Hải	27/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031090006736	02/02/2024	Cục CS QLHC về TTXH	88	95	Đạt	
117	117	Phạm Minh Hải	20/03/1980	Tỉnh Hưng Yên	011080001225	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	97	Đạt	
118	118	Đỗ Thanh Hải	20/09/1986	Tỉnh Bắc Ninh	024086019187	14/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	87	77	Đạt	
119	119	Đặng Minh Hải	22/10/1984	Thành phố Hải Phòng	031084002527	29/08/2024	Bộ Công an	55	61	Không đạt	
120	120	Vũ Thị Thu Hằng	24/02/1979	Thành Phố Hà Nội	001179019010	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	84	Đạt	
121	121	Nguyễn Thị Thanh Hằng	23/09/1998	Tỉnh Phú Thọ	025198008898	26/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	53	80	Không đạt	
122	122	Đào Văn Hân	05/01/1973	Thành phố Hải Phòng	030073000864	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	70	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
123	123	Lưu Thị Hạnh	19/05/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022189004979	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	92	Đạt	
124	124	Nguyễn Văn Hậu	05/01/1998	Thành phố Hải Phòng	031098002596	10/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
125	125	Trần Thị Hậu	19/11/1980	Thành phố Hải Phòng	030180006723	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	95	Đạt	
126	126	Nguyễn Văn Hay	15/11/1992	Tỉnh Hưng Yên	033092012684	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	90	98	Đạt	
127	127	Phạm Văn Hiến	02/02/1986	Tỉnh Ninh Bình	036086019345	12/02/2026	Bộ Công an	73	92	Đạt	
128	128	Trần Thị Thu Hiền	30/11/1991	Tỉnh Ninh Bình	036191003643	07/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	95	98	Đạt	
129	129	Phạm Thị Thu Hiền	02/10/1989	Thành phố Hải Phòng	030189011190	25/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	63	75	Không đạt	
130	130	Hà Thị Thanh Huyền	13/09/1986	Thành phố Hải Phòng	034186004204	24/01/2025	Bộ Công an	80	97	Đạt	
131	131	Hoàng Quốc Hiệp	17/10/1997	Tỉnh Ninh Bình	035097002962	10/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	62	82	Không đạt	
132	132	Nguyễn Xuân Hiệp	22/04/1981	Thành phố Hải Phòng	031081010580	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	84	90	Đạt	
133	133	Lê Đức Hiệp	21/04/1995	Tỉnh Hưng Yên	033095003472	08/12/2023	Cục CS QLHC về TTXH	63	85	Không đạt	
134	134	Phạm Văn Hiệt	09/07/1992	Thành phố Hải Phòng	031092020504	06/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	87	90	Đạt	
135	135	Nguyễn Trung Hiếu	28/04/1988	Thành phố Hà Nội	001088028582	20/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	63	75	Không đạt	
136	136	Phạm Văn Hiếu	15/05/1985	Thành phố Hải Phòng	030085026720	04/04/2025	Bộ Công an	89	89	Đạt	
137	137	Đàm Huy Hiếu	14/08/1990	Thành Phố Hà Nội	001090000242	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	95	Không đạt	
138	138	Nguyễn Đức Hiếu	27/06/1991	Thành phố Hải Phòng	031091014623	11/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	96	95	Đạt	
139	139	Nguyễn Hữu Hiếu	22/07/1995	Thành phố Hải Phòng	031095016894	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	63	87	Không đạt	
140	140	Đỗ Trung Hiếu	16/02/1985	Thành phố Hải Phòng	031085021942	05/02/2025	Bộ Công an	96	94	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
141	141	Lê Hoàng Trung Hiếu	29/04/2000	Thành phố Hải Phòng	031200011222	26/04/2025	Bộ Công an	73	73	Đạt	
142	142	Bùi Trung Hiếu	16/11/1986	Tỉnh Hưng Yên	034086011382	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	85	90	Đạt	
143	143	Phạm Minh Hiếu	07/11/1998	Tỉnh Phú Thọ	026098009805	05/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	59	77	Không đạt	
144	144	Nguyễn Trung Hiếu	13/03/1988	Thành phố Hải Phòng	031088005744	19/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	93	89	Đạt	
145	145	Trần Văn Hồ	10/05/1993	Tỉnh Ninh Bình	036093022440	14/01/2026	Bộ Công an	70	77	Đạt	
146	146	Nguyễn Thị Thanh Hòa	25/01/1986	Thành phố Hải Phòng	030186008360	24/12/2025	Bộ Công an	91	90	Đạt	
147	147	Nguyễn Văn Hòa	17/09/1991	Thành Phố Hà Nội	001091026343	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	95	Đạt	
148	148	Hồ Thị Xuân Hòa	08/03/1974	Tỉnh Nghệ An	026174001616	24/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	86	87	Đạt	
149	149	Vũ Thị Hòa	28/07/1982	Thành phố Hải Phòng	031182000542	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	70	Không đạt	
150	150	Đào Thị Hoài	05/11/1984	Thành phố Hải Phòng	031184010274	09/10/2024	Bộ Công an	71	71	Đạt	
151	151	Bùi Thị thu Hoài	06/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031193014585	17/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	63	63	Không đạt	
152	152	Nguyễn Thị Hoan	26/02/1991	Thành phố Hải Phòng	030191000907	05/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	93	Đạt	
153	153	Nguyễn Văn Hoàn	30/01/1994	Thành phố Hải Phòng	030094014808	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	73	Đạt	
154	154	Trần Nhân Hoàng	09/08/1990	Tỉnh Hưng Yên	033090005954	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	75	Đạt	
155	155	Nguyễn Nhật Thi Hoàng	19/05/1997	Thành Phố Hà Nội	001097003088	02/01/2025	Bộ Công An	76	90	Đạt	
156	156	Đoàn Duy Hoàng	13/01/1988	Thành phố Hải Phòng	031088008029	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	92	Đạt	
157	157	Đỗ Huy Hoàng	11/03/1985	Tỉnh Quảng Ninh	022085000935	08/01/2025	Bộ Công An	60	62	Không đạt	
158	158	Nguyễn Đình Hoàng	01/09/1985	Thành phố Hải Phòng	031085008886	28/05/2025	Bộ Công an	Vắng	Vắng	Vắng	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
159	159	Lưu Vĩnh Hoàng	10/09/1993	Thành Phố Hà Nội	001093021534	20/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	71	Không đạt	
160	160	Phạm Nguyên Hữu Học	19/07/2004	Thành phố Hải Phòng	031204002968	07/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	0	0	Không đạt	
161	161	Phạm Viết Hội	19/10/1989	Tỉnh Hà Tĩnh	042089019475	26/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	100	Đạt	
162	162	Nguyễn Thị Hồng	01/07/1990	Tỉnh Phú Thọ	025190001045	12/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	52	99	Không đạt	
163	163	Nguyễn Văn Hồng	07/08/1987	Thành phố Hà Nội	001087012902	20/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	78	Không đạt	
164	164	Thân Thị Hồng	07/05/1992	Thành phố Hải Phòng	031192000507	29/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	88	90	Đạt	
165	165	Nguyễn Minh Hồng	09/05/1982	Thành phố Hà Nội	001182001936	19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	84	Đạt	
166	166	Phạm Thị Hồng	27/05/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022189005168	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
167	167	Đào Thị Hợp	05/10/1986	Thành phố Hà Nội	001186007529	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	69	79	Không đạt	
168	168	Trần Quốc Huân	16/07/1985	Tỉnh Hưng Yên	033085007474	13/06/2025	Bộ Công an	62	74	Không đạt	
169	169	Nguyễn Thị Huệ	05/11/1989	Thành phố Hà Nội	001189042816	25/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	63	84	Không đạt	
170	170	Nguyễn Thị Huệ	29/11/1992	Tỉnh Ninh Bình	037192003887	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	94	99	Đạt	
171	171	Đặng Thị Mỹ Huệ	07/04/1982	Tỉnh Ninh Bình	036182003703	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	100	Đạt	
172	172	Nguyễn Thị Huệ	15/08/1989	Thành phố Hải Phòng	031189019034	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	82	Đạt	
173	173	Nguyễn Thị Huệ	18/03/1969	Thành phố Hải Phòng	031169002219	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	96	Không đạt	
174	174	Trần Thị Huệ	09/07/1981	Thành phố Hải Phòng	031181017430	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	94	94	Đạt	
175	175	Ngô Duy Hùng	02/12/1985	Thành phố Hà Nội	001085010714	10/12/2025	Bộ Công an	74	78	Đạt	
176	176	Bùi Công Hùng	20/08/1982	Thành phố Hải Phòng	031082009802	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	55	70	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
177	177	Nguyễn Văn Hùng	26/05/1988	Tỉnh Bắc Ninh	027088007017	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	62	81	Không đạt	
178	178	Đặng Văn Hưng	11/07/1990	Tỉnh Ninh Bình	036090005600	20/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	56	80	Không đạt	
179	179	Nguyễn Văn Hưng	31/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031091000378	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	68	79	Không đạt	
180	180	Đỗ Mạnh Hưng	01/10/1987	Tỉnh Hưng Yên	033087004168	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	97	99	Đạt	
181	181	Lương Quốc Hưng	12/12/1982	Tỉnh Thái Nguyên	019082000033	27/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	75	92	Đạt	
182	182	Bùi Kim Hương	14/02/1973	Thành phố Hà Nội	001173014521	10/07/1973	Cục CS QLHC về TTXH	54	66	Không đạt	
183	183	Nguyễn Thị Hương	21/10/1989	Thành phố Hà Nội	001189029401	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	55	83	Không đạt	
184	184	Phạm Thị Hương	05/09/1985	Tỉnh Thanh Hoá	038185002996	01/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	74	90	Đạt	
185	185	Đào Thị Hương	22/06/1995	Thành phố Hà Nội	001195022711	13/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
186	186	Nguyễn Thị Hương	28/08/1988	Tỉnh Hà Tĩnh	042188000509	14/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	98	100	Đạt	
187	187	Nguyễn Thị Thu Hương	10/11/1999	Tỉnh Quảng Ninh	022199012609	19/11/2024	Bộ Công An	76	90	Đạt	
188	188	Yên Thị Hương	07/10/1987	Tỉnh Quảng Ninh	022187001479	14/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	94	98	Đạt	
189	189	Nguyễn Thị Thu Hương	22/10/1982	Tỉnh Bắc Ninh	024182013485	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	89	Không đạt	
190	190	Nguyễn Thị Thu Hương	13/12/1994	Tỉnh Thanh Hóa	038194042298	27/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	88	Đạt	
191	191	Bùi Thị Hương	24/06/1994	Thành phố Hải Phòng	031194003479	28/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	88	Đạt	
192	192	Phạm Thị Hương	30/01/1987	Thành phố Hải Phòng	31187011958	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	98	99	Đạt	
193	193	Vũ Đình Hường	25/11/1994	Tỉnh Ninh Bình	037094000598	18/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	70	87	Đạt	
194	194	Trịnh Thị Hường	17/02/1985	Thành phố Hải Phòng	031185007332	28/01/2025	Bộ Công an	74	84	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
195	195	Lê Thị Minh Hương	23/04/1986	Thành phố Hà Nội	001186036895	17/03/2026	Bộ Công an	54	73	Không đạt	
196	196	Nguyễn Thị Hương	15/11/1987	Thành phố Hà Nội	001187025846	21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	76	Đạt	
197	197	Nguyễn Thị Đoàn Hương	15/01/1972	Thành phố Hải Phòng	031172006704	26/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	71	70	Đạt	
198	198	Nguyễn Văn Hữu	14/04/1989	Thành phố Hà Nội	001089005163	06/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	55	77	Không đạt	
199	199	Lê Quang Huy	06/11/1999	Thành phố Hải Phòng	031099008461	16/01/2025	Bộ Công an	66	77	Không đạt	
200	200	Lê Quang Huy	07/12/1981	Thành phố Hải Phòng	031081006366	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	84	83	Đạt	
201	201	Nguyễn Ngọc Huy	08/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031087011767	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	58	77	Không đạt	
202	202	Hoàng Ngọc Huy	27/06/2000	Tỉnh Hưng Yên	034200003920	04/08/2025	Bộ Công an	74	77	Đạt	
203	203	Hoàng Văn Huy	14/06/1986	Thành phố Hải Phòng	031086003463	09/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	74	Đạt	
204	204	Phan Anh Huy	10/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031090024265	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	90	88	Đạt	
205	205	Nguyễn Quang Huy	06/01/1982	Thành phố Hải Phòng	031082002913	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	92	Không đạt	
206	206	Nguyễn Thị Huyền	20/03/1988	Thành phố Hà Nội	001188031456	04/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	52	64	Không đạt	
207	207	Tô Thị Thanh Huyền	23/02/1983	Tỉnh Hưng Yên	034183003960	27/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	58	77	Không đạt	
208	208	Nguyễn Thu Huyền	09/04/1988	Thành phố Hà Nội	001188011723	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	57	65	Không đạt	
209	209	Lê Thị Huyền	20/10/1991	Thành phố Hải Phòng	031191003571	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	78	Không đạt	
210	210	Lê Phạm Khải	20/02/1984	Thành phố Hải Phòng	031084005094	10/01/2025	Bộ Công an	89	81	Đạt	
211	211	Bùi Đình Khải	30/08/1990	Tỉnh Hưng Yên	034090004001	03/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	61	75	Không đạt	
212	212	Nguyễn Kim Khải	15/06/1995	Tỉnh Bắc Ninh	027095009360	04/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	95	92	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
213	213	Luu Quang Khanh	03/07/1973	Tỉnh Thái Nguyên	019073000244	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
214	214	Nguyễn Thùy Khanh	10/08/1978	Thành phố Hà Nội	001178019827	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	90	93	Đạt	
215	215	Vũ Quốc Khánh	12/05/1995	Thành phố Hải Phòng	031095016192	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	68	80	Không đạt	
216	216	Vũ Đức Khánh	09/01/1989	Thành phố Hải Phòng	031089013416	13/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	92	94	Đạt	
217	217	Hoàng Phú Khánh	22/10/1992	Thành phố Hải Phòng	031092001550	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	69	85	Không đạt	
218	218	Nguyễn Tài Khoái	14/09/1983	Thành phố Hải Phòng	031083012234	08/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	43	80	Không đạt	
219	219	Nguyễn Hữu Khương	03/02/1971	Thành phố Hải Phòng	031071011192	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	80	Đạt	
220	220	Nguyễn Văn Khương	19/02/1991	Thành phố Hải Phòng	031091006806	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	88	Đạt	
221	221	Vũ Xuân Khương	09/11/1995	Tỉnh Quảng Ninh	022095002592	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	87	Đạt	
222	222	Vũ Đức Kiên	08/11/1983	Tỉnh Ninh Bình	036083020533	09/11/2024	Bộ Công an	92	94	Đạt	
223	223	Nguyễn Văn Kiên	01/01/1987	Thành phố Hà Nội	001087005506	18/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	55	81	Không đạt	
224	224	Trần Mạnh Tuấn Kiệt	05/11/2006	Thành phố Hà Nội	001206091670	13/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	73	Đạt	
225	225	Nguyễn Duy Kỳ	15/01/1992	Thành phố Hải Phòng	031092016845	10/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	57	97	Không đạt	
226	226	Nguyễn Hồng Lam	21/02/1989	Thành phố Hải Phòng	031089022975	22/07/2024	Bộ Công an	73	93	Đạt	
227	227	Nguyễn Đăng Luân	15/08/1992	Tỉnh Phú Thọ	025092013086	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	99	Đạt	
228	228	Nguyễn Văn Lâm	05/06/1978	Tỉnh Thanh Hóa	038078003389	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
229	229	Vũ Tùng Lâm	10/08/1986	Tỉnh Hưng Yên	022086003811	28/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	100	Đạt	
230	230	Đào Lê Lan	25/06/1982	Tỉnh Tuyên Quang	008182000461	31/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	82	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
231	231	Lương Thị Hồng Lan	22/07/1989	Tỉnh Phú Thọ	025189004187	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	100	Đạt	
232	232	Lê Thị Lan	03/02/1985	Tỉnh Quảng Trị	045185004456	20/01/2025	Bộ Công an	74	90	Đạt	
233	233	Lâm Đức Liêm	23/08/1982	Thành phố Hà Nội	001082040058	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	85	Không đạt	
234	234	Nghiêm Thị Liên	18/06/1990	Tỉnh Bắc Ninh	024190000357	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	91	86	Đạt	
235	235	Lương Thị Bích Liên	24/09/1985	Thành phố Hà Nội	025185017957	25/09/2025	Bộ Công an	81	98	Đạt	
236	236	Nguyễn Thị Liên	19/11/1994	Thành phố Hải Phòng	030194019853	18/07/2025	Bộ Công an	82	97	Đạt	
237	237	Đoàn Thị Liễu	05/11/1988	Thành phố Hải Phòng	031188011101	06/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	100	Đạt	
238	238	Đông Thị Khánh Linh	28/06/2004	Thành phố Hải Phòng	030304004400	26/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	83	96	Đạt	
239	239	Phạm Thuỳ Linh	14/01/1992	Thành phố Hải Phòng	030192011192	29/10/2025	Bộ Công an	72	97	Đạt	
240	240	Nguyễn Ngọc Linh	14/10/1980	Thành phố Hải Phòng	031080004977	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
241	241	Nguyễn Khánh Linh	27/01/2004	Tỉnh Lào Cai	015304005386	27/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	74	91	Đạt	
242	242	Nguyễn Thị Cẩm Linh	26/12/1997	Thành phố Hải Phòng	031197004423	07/03/2025	Bộ Công an	89	95	Đạt	
243	243	Nguyễn Mậu Linh	15/11/1989	Tỉnh Bắc Ninh	024089004350	16/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	99	Đạt	
244	244	Nguyễn Văn Linh	03/03/1999	Tỉnh Lào Cai	015099001448	09/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH	93	98	Đạt	
245	245	Đỗ Thị Thùy Linh	14/10/2004	Thành phố Hải Phòng	031304001196	14/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	97	Đạt	
246	246	Hoàng Thùy Linh	27/09/1994	Thành phố Hải Phòng	030194002351	17/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	92	95	Đạt	
247	247	Nguyễn Thị Loan	20/07/1994	Tỉnh Hưng Yên	034194005345	07/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	0	97	Không đạt	
248	248	Bùi Thị Loan	14/04/1988	Thành phố Hải Phòng	031188001533	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	82	83	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
249	249	Phạm Thị Loan	09/09/1988	Tỉnh Hưng Yên	034188002459	11/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	100	Đạt	
250	250	Nguyễn Đức Lợi	11/06/1984	Thành phố Hải Phòng	031084022185	02/07/2024	Bộ Công an	74	79	Đạt	
251	251	Nguyễn Việt Long	15/10/1988	Thành phố Hà Nội	001088030673	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	54	74	Không đạt	
252	252	Phạm Văn Long	26/08/1983	Thành phố Hải Phòng	031083002187	26/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	61	71	Không đạt	
253	253	Nguyễn Công Long	06/08/2003	Thành Phố Hà Nội	001203007509	19/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	73	94	Đạt	
254	254	Hoàng Việt Long	15/01/1987	Tỉnh Ninh Bình	037087003962	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	86	Đạt	
255	255	Tạ Minh Long	29/08/2007	Thành phố Hà Nội	001207034605	01/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	80	89	Đạt	
256	256	Nguyễn Đức Luân	17/07/1989	Tỉnh Hưng Yên	033089001091	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	85	Đạt	
257	257	Phạm Duy Lực	01/10/1996	Tỉnh Ninh Bình	035096002115	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	79	Đạt	
258	258	Trần Thị Lựu	19/09/1988	Thành phố Hải Phòng	030188013247	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	88	Đạt	
259	259	Nguyễn Thị Luyến	02/06/1989	Thành phố Hải Phòng	031189002607	09/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	77	88	Đạt	
260	260	Phùng Thị Phương Mai	12/04/1980	Tỉnh Phú Thọ	001180032217	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	48	70	Không đạt	
261	261	Từ Thị Tuyết Mai	25/07/1978	Thành phố Hà Nội	001178038328	24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	72	Đạt	
262	262	Nguyễn Thanh Mai	18/04/1977	Tỉnh Bắc Ninh	024177000730	15/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	41	33	Không đạt	
263	263	Nguyễn Hồng Mai	20/10/1999	Thành phố Hải Phòng	031199007457	08/12/2025	Bộ Công An	79	99	Đạt	
264	264	Lại Ngọc Mai	02/08/1981	Thành phố Hải Phòng	031181009563	31/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	89	Đạt	
265	265	Lâm Thị Mai	15/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031191007538	29/12/2024	Bộ Công an	81	97	Đạt	
266	266	Nguyễn Duy Mạnh	06/01/2004	Tỉnh Ninh Bình	036204000035	06/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	47	80	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
267	267	Nguyễn Việt Mạnh	22/09/1985	Thành phố Hà Nội	001085004436	23/07/2025	Bộ Công an	67	88	Không đạt	
268	268	Vũ Hữu Mạnh	01/05/1985	Tỉnh Hưng Yên	034085004704	14/09/2024	Cục CS QLHC về TTXH	76	81	Đạt	
269	269	Ngô Xuân Mạnh	06/05/1996	Thành phố Hải Phòng	030096005302	15/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	81	72	Đạt	
270	270	Đào Thị Mến	08/09/1982	Thành phố Hải Phòng	031182017847	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	52	84	Không đạt	
271	271	Nguyễn Thị Mến	25/09/1981	Thành phố Hải Phòng	031181015181	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	88	Đạt	
272	272	Phan Văn Minh	17/01/1997	Thành Phố Hà Nội	001097005665	14/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	75	Không đạt	
273	273	Đỗ Xuân Minh	30/07/1971	Thành phố Hà Nội	001071007552	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	74	Không đạt	
274	274	Nguyễn Thị Minh	02/06/1985	Thành phố Hải Phòng	031185010222	05/06/2025	Bộ Công an	88	82	Đạt	
275	275	Nguyễn Thị Mơ	05/06/1992	Tỉnh Nghệ An	040192011451	08/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	70	90	Đạt	
276	276	Trần Thị My	10/11/1989	Tỉnh Ninh Bình	035189007632	29/11/2024	Bộ Công an	62	73	Không đạt	
277	277	Nguyễn Thị Trà My	24/12/1988	Thành phố Hải Phòng	031188003819	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	83	80	Đạt	
278	278	Nguyễn Hương My	28/01/2003	Thành Phố Hà Nội	001303001745	31/10/2024	Bộ Công an	90	96	Đạt	
279	279	Nguyễn Hà My	21/09/1996	Thành phố Hà Nội	001196012069	07/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
280	280	Bùi Tiến Nam	22/06/1991	Tỉnh Hưng Yên	034091007648	10/04/2021	Bộ Công an	57	81	Không đạt	
281	281	Lê Tất Nam	25/07/1991	Tỉnh Hưng Yên	033091011168	26/02/2024	Cục CS QLHC về TTXH	81	96	Đạt	
282	282	Ngô Hà Nam	12/10/1982	Thành phố Hải Phòng	031082013283	07/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	96	96	Đạt	
283	283	Trần Giang Nam	28/02/1997	Tỉnh Ninh Bình	035097001542	23/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	85	Đạt	
284	284	Đặng Văn Nam	05/04/1978	Thành phố Hải Phòng	031078000559	08/08/2024	Bộ Công an	57	67	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
285	285	Đào Thị huyền Nga	14/01/1999	Thành phố Hải Phòng	031199000529	11/08/2024	Bộ Công an	59	79	Không đạt	
286	286	Nguyễn Thị Thanh Nga	05/09/1985	Thành phố Hải Phòng	031185000252	31/07/2025	Bộ Công an	77	88	Đạt	
287	287	Nguyễn Thị Nga	16/04/1985	Thành phố Hải Phòng	031185007771	21/03/2025	Bộ Công an	74	82	Đạt	
288	288	Lã Thị Phương Nga	22/11/1992	Thành phố Hải Phòng	031192001357	16/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	92	92	Đạt	
289	289	Quách Thị Nga	08/01/1996	Thành phố Hải Phòng	031196016230	06/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	81	97	Đạt	
290	290	Đào Thị Nga	28/05/1997	Tỉnh Thái Nguyên	019197000057	28/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	93	83	Đạt	
291	291	Hoàng Thị Kim Nga	22/05/1995	Tỉnh Hưng Yên	034195004463	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	100	Đạt	
292	292	Vũ Văn Ngân	09/07/1973	Thành phố Hải Phòng	031073005951	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	78	Đạt	
293	293	Hoàng Thị Ngân	11/02/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005109	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	74	95	Đạt	
294	294	Hà Đức Ngọc	05/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031093006746	26/02/2025	Bộ Công an	62	72	Không đạt	
295	295	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/08/1994	Tỉnh Hưng Yên	011194008568	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	99	Đạt	
296	296	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/05/1989	Tỉnh Thanh Hóa	038189001900	15/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	88	88	Đạt	
297	297	Bùi Thị Ánh Ngọc	28/01/1982	Thành phố Hải Phòng	031182023853	14/10/2024	Bộ Công an	65	82	Không đạt	
298	298	Vũ Thị Nguyên	09/05/1988	Tỉnh Ninh Bình	036188000201	04/08/2025	Bộ Công an	68	84	Không đạt	
299	299	Lê Văn Nguyên	09/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031087001737	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	89	Không đạt	
300	300	Nguyễn Thị Nhan	24/10/1988	Thành phố Hải Phòng	030188005486	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
301	301	Lã Thị Nhàn	10/03/1976	Thành phố Hải Phòng	031176015895	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	58	76	Không đạt	
302	302	Bùi Thị Nhi	20/06/1998	Tỉnh Thanh Hóa	038198020771	26/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	97	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
303	303	Nguyễn Thị Nhung	01/08/1983	Thành phố Hà Nội	001183023661	08/11/2024	Bộ Công an	54	72	Không đạt	
304	304	Dương Thị Hồng Nhung	14/08/1984	Thành phố Hải Phòng	030184016813	14/08/1984	Cục CS QLHC về TTXH	58	70	Không đạt	
305	305	Trần Hồng Nhung	13/09/2007	Thành phố Hải Phòng	030307003318	15/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	60	64	Không đạt	
306	306	Phạm Hồng Nhung	28/06/1986	Thành phố Hải Phòng	031186002242	27/02/2026	Bộ Công an	91	89	Đạt	
307	307	Nguyễn Thị Nhung	05/05/1987	Thành Phố Hà Nội	001187035235	13/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	72	Không đạt	
308	308	Trần Thị Nhung	03/06/1993	Thành phố Hải Phòng	031193004600	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	83	94	Đạt	
309	309	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/12/2002	Tỉnh Bắc Ninh	024302003508	02/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	85	Đạt	
310	310	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/07/1988	Thành phố Hải Phòng	031188006500	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	93	94	Đạt	
311	311	Nguyễn Thị Nhung	21/12/1990	Thành phố Hải Phòng	031190016088	30/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	95	Đạt	
312	312	Nguyễn Phong Oai	11/07/1994	Tinhr Hưng Yên	033094005560	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	88	95	Đạt	
313	313	Phạm Thị Oanh	09/10/1979	Thành phố Hải Phòng	030179000233	17/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	79	Đạt	
314	314	Nguyễn Thị Tú Oanh	09/03/1986	Thành phố Hải Phòng	031186014766	12/02/2026	Bộ Công an	91	95	Đạt	
315	315	Mai Văn Phi	10/08/1991	Tỉnh Thanh Hóa	038091017953	02/01/2025	Bộ Công an	76	86	Đạt	
316	316	Vũ Hồng Phong	05/09/1994	Thành phố Hà Nội	030094001279	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	86	89	Đạt	
317	317	Vũ Trọng Phúc	02/10/1994	Thành phố Hải Phòng	031094006248	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	89	Không đạt	
318	318	Vũ Văn Phúc	10/01/1985	Tỉnh Ninh Bình	036085012659	27/03/2025	Bộ Công an	90	88	Đạt	
319	319	Phạm Duy Phương	17/01/1994	Tỉnh Quảng Ninh	022094012394	13/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	61	74	Không đạt	
320	320	Nghiêm Thị Phương	13/09/1988	Thành phố Hà Nội	001188026293	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	74	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
321	321	Hoàng Văn Phương	09/04/1995	Thành phố Hải Phòng	031095018864	01/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	59	65	Không đạt	
322	322	Hoàng Thị Phương	21/09/1989	Thành phố Hải Phòng	031189013476	14/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	86	81	Đạt	
323	323	Đỗ Thị Thanh Phương	15/02/1988	Thành phố Hải Phòng	031188010362	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	87	Đạt	
324	324	Phạm Văn Phương	24/09/1991	Thành phố Hải Phòng	031091010195	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	92	98	Đạt	
325	325	Hoàng Thanh Phương	01/11/1990	Tỉnh Ninh Bình	031190002164	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	96	Đạt	
326	326	Phan Thị Thu Phương	08/10/1986	Tỉnh Hưng Yên	033186008658	11/02/2026	Bộ Công an	75	86	Đạt	
327	327	Đặng Thị Thu Phương	04/05/1975	Thành phố Hải Phòng	031175005648	20/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	78	91	Đạt	
328	328	Phạm Thị Phương	03/03/1989	Thành phố Hải Phòng	030189003267	15/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	87	93	Đạt	
329	329	Vũ Thị Thanh Phương	03/04/1984	Thành phố Hải Phòng	031184016396	11/02/2025	Bộ Công an	78	94	Đạt	
330	330	Vũ Kim Phương	06/02/2003	Tỉnh Hưng Yên	034303005440	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	96	Đạt	
331	331	Ngô Thị Phương	16/10/1987	Thành phố Hải Phòng	031187012595	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	75	91	Đạt	
332	332	Vũ Minh Quang	04/05/1979	Tỉnh Quảng Ninh	022079003859	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	86	Đạt	
333	333	Nguyễn Anh Quang	22/09/1990	Thành phố Hải Phòng	031090011898	05/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	82	95	Đạt	
334	334	Vũ Duy Quang	24/06/1992	Tỉnh Bắc Ninh	024092000058	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	96	Đạt	
335	335	Nguyễn Cao Quảng	13/08/1972	Thành phố Hà Nội	030072000127	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	39	57	Không đạt	
336	336	Lâm Phú Quý	07/09/1994	Thành phố Đồng Nai	075094007347	26/08/2024	Bộ Công an	81	79	Đạt	
337	337	Đinh Xuân Quý	30/01/1989	Tỉnh Ninh Bình	036089004209	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	67	72	Không đạt	
338	338	Nguyễn Thị Quý	05/08/1973	Thành phố Hải Phòng	031173004361	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	83	89	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
339	339	Hoàng Thị Ngọc Ouyên	24/09/1973	Thành phố Hà Nội	001173006917	07/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	54	75	Không đạt	
340	340	Vũ Thị Quyên	20/05/1988	Tỉnh Lào Cai	015188010625	17/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	35	88	Không đạt	
341	341	Nguyễn Thị Tô Quyên	23/12/1994	Tỉnh Hưng Yên	034194007199	07/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	84	99	Đạt	
342	342	Trịnh Thị Quyên	17/07/1989	Thành phố Hải Phòng	031189004073	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	72	Đạt	
343	343	Cao Anh Quyết	28/02/1981	Thành phố Hà Nội	001081013720	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	46	67	Không đạt	
344	344	Hoàng Văn Quyết	28/07/1991	Tỉnh Phú Thọ	026091010173	07/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	85	Không đạt	
345	345	Đào Thị Thuý Quỳnh	09/04/1979	Tỉnh Lào Cai	015179000198	24/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	59	55	Không đạt	
346	346	Đào Thị Như Quỳnh	03/10/2001	Thành phố Hà Nội	001301023258	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
347	347	Bùi Thị Quỳnh	03/12/1987	Thành phố Hải Phòng	031187021260	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	90	Đạt	
348	348	Vũ Thị Mĩ Quỳnh	12/08/1984	Thành phố Hải Phòng	031184024272	08/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	79	90	Đạt	
349	349	Nguyễn Thị Như Quỳnh	29/08/1990	Thành phố Hải Phòng	031190008774	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	93	Đạt	
350	350	Nguyễn Đắc Sắc	18/09/1983	Thành phố Hải Phòng	030083023748	11/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	87	95	Đạt	
351	351	Trần Đình Sâm	28/07/1982	Thành phố Hải Phòng	031082004753	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	78	Đạt	
352	352	Nguyễn Văn Sáng	12/06/1996	Thành phố Hải Phòng	030096012158	13/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	72	75	Đạt	
353	353	Đỗ Như Sinh	29/11/1977	Thành phố Hải Phòng	031077005275	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	93	Đạt	
354	354	Nguyễn Tuấn Sơn	06/12/1997	Thành phố Hà Nội	001097023494	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	87	92	Đạt	
355	355	Dương Văn Sơn	10/07/1981	Thành phố Hải Phòng	031081023005	24/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	68	Không đạt	
356	356	Nguyễn Hùng Sơn	06/08/2003	Thành phố Hải Phòng	031203007330	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	90	74	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
357	357	Nguyễn Văn Lĩnh Sơn	07/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031088011414	19/12/2023	Cục CS QLHC về TTXH	57	74	Không đạt	
358	358	Phùng Thế Tài	04/02/1996	Tỉnh Ninh Bình	037096001397	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	53	70	Không đạt	
359	359	Nguyễn Đắc Tài	17/05/1989	Tỉnh Bắc Ninh	024089000036	21/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	80	99	Đạt	
360	360	Vũ Thị Tâm	11/05/1988	Thành phố Hà Nội	001188016177	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	68	86	Không đạt	
361	361	Trương Văn Tâm	10/08/1979	Thành phố Đà Nẵng	049079000163	02/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	58	69	Không đạt	
362	362	Lê Đắc Tâm	01/10/1989	Thành phố Hà Nội	001089003191	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	74	Đạt	
363	363	Phạm Thị Tâm	25/05/1990	Tỉnh Quảng Ninh	022190009114	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	55	73	Không đạt	
364	364	Nguyễn Đăng Tâm	20/07/2002	Tỉnh Ninh Bình	037202002621	20/08/2025	Bộ Công an	64	79	Không đạt	
365	365	Lê Thị Tâm	29/01/1994	Tỉnh Hưng Yên	033194010441	27/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	81	97	Đạt	
366	366	Nguyễn Thị Thanh Tân	19/08/1989	Thành phố Hải Phòng	031189018470	18/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	86	83	Đạt	
367	367	Hoàng Ngọc Tân	02/10/1996	Tỉnh Ninh Bình	036096015870	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	89	Đạt	
368	368	Hoàng Anh Thái	06/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031090013328	28/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	73	82	Đạt	
369	369	Lê Anh Thái	27/08/1993	Tỉnh Hưng Yên	034093010280	23/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	52	76	Không đạt	
370	370	Bùi Đức Thái	02/01/1991	Thành phố Hải Phòng	031091011006	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	68	77	Không đạt	
371	371	Phạm Bá Thái	14/09/1989	Tỉnh Hưng Yên	034089013119	10/07/2024	Bộ Công an	73	89	Đạt	
372	372	Hồ Việt Thắng	02/07/1982	Thành phố Hà Nội	001082000496	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	86	Đạt	
373	373	Nguyễn Mạnh Thắng	19/04/2004	Thành phố Hải Phòng	031204002273	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	54	76	Không đạt	
374	374	Nguyễn Văn Thắng	14/03/1977	Thành phố Hải Phòng	030077023750	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	62	76	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
375	375	Ngô Toàn Thắng	25/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089008049	05/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	53	62	Không đạt	
376	376	Bùi Quyết Thắng	20/10/1994	Thành phố Hải Phòng	031094000516	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	89	94	Đạt	
377	377	Hồ Đức Thắng	27/07/1997	Tỉnh Nghệ An	040097021891	07/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	75	93	Đạt	
378	378	Đỗ Duy Thắng	12/04/1996	Thành phố Hải Phòng	031096018711	19/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	70	75	Đạt	
379	379	Trần Ngọc Thắng	17/10/1983	Thành phố Hà Nội	001083021966	03/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	69	83	Không đạt	
380	380	Nguyễn Văn Thắng	25/09/1989	Tỉnh Ninh Bình	036089019784	18/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	58	74	Không đạt	
381	381	Nguyễn Thị Thanh	27/07/1986	Thành phố Hà Nội	001186016509	21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	39	60	Không đạt	
382	382	Nguyễn Thị Thanh	28/03/1997	Tỉnh Ninh Bình	036197100204	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	86	94	Đạt	
383	383	Nguyễn Văn Thành	07/07/1991	Tỉnh Ninh Bình	035091010221	03/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	58	75	Không đạt	
384	384	Đào Thị Thành	01/01/1978	Thành phố Hải Phòng	031178000952	26/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	89	Đạt	
385	385	Trần Thuý Thảo	24/10/1991	Tỉnh Ninh Bình	035191002539	23/05/2025	Cục CS QLHC về TTXH	41	65	Không đạt	
386	386	Phạm Thu Thảo	27/03/1995	Tỉnh Ninh Bình	037195002200	10/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	68	67	Không đạt	
387	387	Trần Thị Phương Thảo	24/09/1991	Thành phố Hải Phòng	031191009177	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	42	71	Không đạt	
388	388	Nguyễn Thị Thảo	01/08/1996	Tỉnh Bắc Ninh	024196000112	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	90	94	Đạt	
389	389	Nghiêm Thị Thảo	18/10/1976	Thành phố Hải Phòng	030176011222	19/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	47	78	Không đạt	
390	390	Phạm Thị Phương Thảo	29/06/1995	Thành phố Hải Phòng	031195000798	22/12/2025	Bộ Công an	95	98	Đạt	
391	391	Bùi Thị Phương Thảo	15/02/1981	Thành phố Hải Phòng	031181002223	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	86	Không đạt	
392	392	Tổng Thị Thảo	12/02/1992	Tỉnh Bắc Ninh	024192012431	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
393	393	Vũ Phương Thảo	10/10/2002	Tỉnh Bắc Ninh	024302001182	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	82	Đạt	
394	394	Mai Thị Thảo	20/09/1987	Tỉnh Thanh Hóa	038187006357	06/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	97	99	Đạt	
395	395	Hoàng Văn Thế	21/03/1981	Thành phố Hải Phòng	031081028493	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	96	Đạt	
396	396	Phạm Đức Thiện	16/07/2000	Tỉnh Hưng Yên	034200003479	29/07/2025	Bộ Công an	63	73	Không đạt	
397	397	Nguyễn Hữu Thiết	02/08/1981	Thành phố Hà Nội	001081003604	21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	42	54	Không đạt	
398	398	Lê Văn Thìn	07/08/1988	Thành phố Hà Nội	001088042182	25/11/2025	Bộ Công an	67	87	Không đạt	
399	399	Nguyễn Văn Thịnh	30/09/1990	Thành phố Hà Nội	001090020700	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	78	Không đạt	
400	400	Lê Văn Thọ	16/09/1985	Tỉnh Lào Cai	010085000085	16/09/2025	Cục CS QLHC về TTXH	60	73	Không đạt	
401	401	Đặng Thị Thu	07/10/1969	Thành phố Hà Nội	001169002974	28/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	51	56	Không đạt	
402	402	Trần Hoài Thu	03/10/1986	Thành phố Hà Nội	001186033125	01/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	55	74	Không đạt	
403	403	Nguyễn Thị Kim Thu	09/10/1989	Tỉnh Phú Thọ	026189005309	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	62	Không đạt	
404	404	Mai Thị Kim Thu	16/08/1986	Tỉnh Ninh Bình	037186004090	27/02/2026	Bộ Công An	95	94	Đạt	
405	405	Tô Thị Hoài Thu	19/04/1985	Tỉnh Hưng Yên	034185002498	25/04/2025	Bộ Công an	50	74	Không đạt	
406	406	Nguyễn Thị Thu	21/06/1993	Tỉnh Lào Cai	015193007125	09/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	86	Đạt	
407	407	Nguyễn Thị Thu	16/08/1991	Tỉnh Thái Nguyên	019191004018	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	56	79	Không đạt	
408	408	Đỗ Văn Thuận	05/11/1984	Tỉnh Hưng Yên	033084006198	10/10/2024	Bộ Công an	74	77	Đạt	
409	409	Đoàn Văn Thuận	11/01/1993	Thành phố Hải Phòng	031093001895	27/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	50	68	Không đạt	
410	410	Vũ Đức Thuận	05/08/1982	Tỉnh Phú Thọ	011082002352	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	82	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
411	411	Phạm Thị Thuận	04/10/1969	Thành phố Hải Phòng	031169005681	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	64	Không đạt	
412	412	Cù Thị Thương	19/03/1985	Thành phố Hải Phòng	031185013949	19/09/2025	Bộ Công an	76	74	Đạt	
413	413	Nguyễn Thị Thương	09/08/1985	Thành phố Hải Phòng	030185012265	03/07/2025	Bộ Công an	77	98	Đạt	
414	414	Lê Thị Thương	14/03/1999	Thành phố Hải Phòng	031199012576	23/04/2025	Bộ Công an	83	69	Không đạt	
415	415	Nguyễn Thị Thương	14/09/1991	Thành phố Hải Phòng	031191002483	05/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	88	Đạt	
416	416	Đàm Thị Thương	20/07/1993	Tỉnh Hưng Yên	034193007887	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
417	417	Trần Huy Thương	17/07/2000	Tỉnh Bắc Ninh	024200004028	25/06/2025	Bộ Công an	63	81	Không đạt	
418	418	Trịnh Thu Thủy	23/12/1982	Thành phố Hải Phòng	031082012383	08/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	67	Không đạt	
419	419	Nguyễn Thanh Thuý	27/10/1982	Thành phố Hà Nội	001182004920	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	58	81	Không đạt	
420	420	Nguyễn Thị Thanh Thuý	10/04/1993	Tỉnh Hưng Yên	034193018971	27/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	70	Đạt	
421	421	Trương Thị Thủy	22/09/1986	Thành phố Hải Phòng	031186002682	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	76	91	Đạt	
422	422	Đào Thị Thúy	09/09/1988	Thành phố Hải Phòng	031188009970	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	96	95	Đạt	
423	423	Đinh Thị Thúy	01/06/1994	Tỉnh Bắc Ninh	024194012062	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	84	83	Đạt	
424	424	Đinh Thị Thúy	01/01/1984	Tỉnh Hưng Yên	034184012709	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	69	67	Không đạt	
425	425	Vũ Thị Thùy	10/01/1990	Thành phố Hải Phòng	030190022435	25/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	78	89	Đạt	
426	426	Trịnh Diệu Thùy	29/06/1982	Thành phố Hải Phòng	010182000152	05/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	94	94	Đạt	
427	427	Nguyễn Thị Thùy	04/01/1996	Tỉnh Bắc Ninh	034196004711	19/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	94	Đạt	
428	428	Lương Thị Thùy	03/02/1985	Thành phố Hà Nội	001185030062	23/01/2025	Bộ Công an	85	79	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
429	429	Trần Thị Thủy	05/07/1988	Thành phố Hải Phòng	030188017451	18/08/2024	Bộ Công an	74	77	Đạt	
430	430	Vũ Thị Thu Thủy	23/02/1991	Thành phố Hải Phòng	031191000715	25/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	70	Đạt	
431	431	Nguyễn Thị Thủy	09/08/1984	Thành phố Hà Nội	001184027376	22/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	79	97	Đạt	
432	432	Nguyễn Thị Thủy	02/08/1990	Thành phố Hà Nội	001190023071	18/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	92	97	Đạt	
433	433	Đỗ Thị Thủy	30/09/1990	Thành phố Hải Phòng	031190000971	08/08/2025	Bộ Công an	69	95	Không đạt	
434	434	Đỗ Văn Thụy	02/08/1979	Thành phố Hải Phòng	031079011923	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	71	Không đạt	
435	435	Dương Văn Thuyên	02/12/1989	Thành phố Hà Nội	001089036766	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	87	Đạt	
436	436	Nguyễn Từ Thủy Tiên	24/11/2004	Thành phố Hà Nội	001301032384	13/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	51	72	Không đạt	
437	437	Trần Minh Tiến	24/11/1990	Thành phố Hà Nội	001090018684	23/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	94	Đạt	
438	438	Lê Thị Tin	23/06/1989	Tỉnh Bắc Ninh	024189006044	16/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	91	93	Đạt	
439	439	Phạm Thị Tình	16/06/1972	Thành phố Hải Phòng	031172000600	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	56	65	Không đạt	
440	440	Dương Văn Toàn	26/04/1984	Thành phố Hải Phòng	030084001712	11/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	90	97	Đạt	
441	441	Nguyễn Văn Toàn	30/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031088002008	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	66	82	Không đạt	
442	442	Tạ Văn Toàn	15/07/1992	Tỉnh Bắc Ninh	024092018011	07/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	90	76	Đạt	
443	443	Nguyễn Quang Tôn	20/11/1987	Tỉnh Hưng Yên	033087014303	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	65	75	Không đạt	
444	444	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/10/1991	Thành phố Hải Phòng	031191003596	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	91	89	Đạt	
445	445	Dương Thị Trang	02/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031187023150	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	70	83	Đạt	
446	446	Vũ Thị Trang	24/05/1992	Thành phố Hải Phòng	030192008323	18/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	93	96	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
447	447	Nguyễn Thị Trang	02/04/1993	Thành phố Hải Phòng	031193020249	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	75	86	Đạt	
448	448	Lê Hồng Trang	16/04/1990	Hồng Kông	031190023945	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	82	Không đạt	
449	449	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/06/1988	Tỉnh Hưng Yên	034188005759	15/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	73	95	Đạt	
450	450	Vũ Thu Trang	20/12/2006	Thành phố Hà Nội	001306061199	05/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	74	84	Đạt	
451	451	Đỗ Cao Trí	02/08/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	075087022182	02/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	45	69	Không đạt	
452	452	Nguyễn Văn Trọng	23/06/1996	Thành phố Hải Phòng	031096014436	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	63	Không đạt	
453	453	Nguyễn Văn Trọng	09/12/1980	Thành phố Hải Phòng	031080001743	01/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	61	80	Không đạt	
454	454	Hoàng Khánh Trung	23/10/1983	Tỉnh Quảng Ninh	022083006049	23/01/2024	Cục CS QLHC về TTXH	0	65	Không đạt	
455	455	Võ Quang Trung	14/02/1985	Tỉnh Nghệ An	040085000044	08/01/2025	Bộ Công an	80	97	Đạt	
456	456	Vũ Đức Tiến Trung	20/06/2005	Thành Phố Hải Phòng	031205001752	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	97	98	Đạt	
457	457	Phạm Tất Trường	05/11/1989	Thành phố Hải Phòng	031089007694	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	69	81	Không đạt	
458	458	Trần Văn Trường	02/02/1986	Thành phố Hải Phòng	031086006995	07/01/2026	Bộ Công an	87	91	Đạt	
459	459	Vũ Đình Nam Trường	27/07/2005	Thành phố Hải Phòng	030205010065	05/05/2025	Bộ Công an	65	91	Không đạt	
460	460	Hoàng Đức Trường	09/10/1987	Tỉnh Phú Thọ	017087000048	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	84	95	Đạt	
461	461	Vũ Duy Trường	20/05/1991	Thành phố Hải Phòng	031091020043	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	92	Đạt	
462	462	Nguyễn Văn Trường	21/08/1992	Tỉnh Bắc Ninh	024092011749	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	82	100	Đạt	
463	463	Hoàng Minh Tú	18/10/1983	Thành phố Hải Phòng	031083011378	12/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	60	70	Không đạt	
464	464	Nguyễn Văn Tư	10/03/1985	Tỉnh Tuyên Quang	008085002209	14/02/2025	Bộ Công an	92	86	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
465	465	Phạm Văn Tuấn	29/09/1983	Tỉnh Hưng Yên	034083026589	07/05/2025	Bộ Công an	58	73	Không đạt	
466	466	Nguyễn Ngọc Tuấn	08/02/1970	Thành phố Hải Phòng	031070006652	23/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	90	93	Đạt	
467	467	Dương Mạnh Tùng	21/07/1984	Thành phố Hà Nội	001084021593	08/08/2024	Bộ Công an	53	65	Không đạt	
468	468	Phạm Mạnh Tùng	27/06/1975	Tỉnh Hưng Yên	031075014285	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	79	Đạt	
469	469	Đỗ Doãn Tùng	24/08/1982	Liên bang Nga	231082000002	15/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	56	76	Không đạt	
470	470	Thân Thanh Tùng	10/09/2002	Thành phố Hải Phòng	031202000707	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	77	Không đạt	
471	471	Đặng Đức Tùng	29/09/1984	Thành phố Hải Phòng	031084000336	09/09/2024	Bộ Công an	77	85	Đạt	
472	472	Nguyễn Thanh Tùng	07/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031094002422	18/02/2025	Bộ Công an	73	82	Đạt	
473	473	Phạm Văn Tùng	28/08/1984	Thành phố Hải Phòng	031084009903	19/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	59	78	Không đạt	
474	474	Đào Thanh Tùng	24/01/1986	Thành phố Hải Phòng	031086018976	05/01/2026	Bộ Công an	87	96	Đạt	
475	475	Đào Tùng	01/07/1996	Thành phố Hải Phòng	031096006900	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	60	80	Không đạt	
476	476	Nguyễn Mạnh Tùng	25/07/1991	Thành phố Hải Phòng	031091004129	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	85	84	Đạt	
477	477	Nguyễn Văn Tùng	04/07/1995	Tỉnh Hưng Yên	033095009921	04/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	95	Đạt	
478	478	Nguyễn Thị Tươi	09/08/1980	Thành phố Hải Phòng	031180015362	15/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	86	93	Đạt	
479	479	Nguyễn Văn Tuyển	09/07/1992	Thành phố Hà Nội	001092047536	24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	77	92	Đạt	
480	480	Lê Thị Tuyết	22/09/1988	Thành phố Hà Nội	001188008844	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	62	91	Không đạt	
481	481	Trần Thị Vân	19/09/1994	Tỉnh Thái Nguyên	019194007045	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	61	96	Không đạt	
482	482	Nguyễn Thị Vân	27/06/1996	Tỉnh Ninh Bình	036196018259	15/01/2026	Bộ Công an	81	74	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
483	483	Đinh Thị Vân	08/05/1989	Thành phố Hải Phòng	030189022767	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	98	Đạt	
484	484	Nguyễn Đình Vân	12/12/1988	Thành phố Hải Phòng	031088013275	24/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	86	90	Đạt	
485	485	Nguyễn Hồng Vân	06/01/1988	Thành phố Hà Nội	001188050900	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	74	94	Đạt	
486	486	Giang Xuân Vạn	26/03/1986	Thành phố Hải Phòng	031086004447	26/03/1986	Cục CS QLHC về TTXH	71	84	Đạt	
487	487	Bùi Đăng Việt	18/09/1996	Tỉnh Hưng Yên	033096010359	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	80	Đạt	
488	488	Tô Trung Việt	26/04/1991	Thành phố Hải Phòng	031091010590	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	74	Không đạt	
489	489	Nguyễn Hoàng Việt	13/12/2002	Thành phố Hải Phòng	031202004665	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	52	77	Không đạt	
490	490	Nguyễn Anh Việt	04/04/1994	Thành phố Hải Phòng	031094002671	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	81	89	Đạt	
491	491	Hoàng Quốc Việt	24/07/1981	Thành phố Hải Phòng	031081005393	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	59	86	Không đạt	
492	492	Bùi Đình Việt	10/07/1982	Thành phố Hà Nội	001082008038	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	92	87	Đạt	
493	493	Đinh Văn Việt	08/08/1991	Tỉnh Nghệ An	040091039025	07/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	75	80	Đạt	
494	494	Hoàng Ngọc Võ	24/09/1986	Thành phố Hải Phòng	031086009219	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	86	92	Đạt	
495	495	Nguyễn Trần Vũ	26/12/2000	Thành phố Hà Nội	001200035521	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	63	81	Không đạt	
496	496	Hoàng Phú Vững	18/10/1985	Thành phố Hải Phòng	031085017865	25/09/2025	Bộ Công an	69	87	Không đạt	
497	497	Vũ Đình Vương	04/09/2001	Thành phố Hải Phòng	030201010930	16/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	64	85	Không đạt	
498	498	Bùi Văn Vương	10/02/1996	Thành phố Hải Phòng	031096005753	08/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	79	87	Đạt	
499	499	Hoàng Trung Vỹ	14/07/1997	Tỉnh Thái Nguyên	006097004458	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	72	85	Đạt	
500	500	Nguyễn Thị Xuân	15/07/1979	Thành phố Hà Nội	001179033929	15/05/2025	Bộ Công an	39	48	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số điểm môn kiến thức cơ sở	Số điểm môn kiến thức chuyên môn	KẾT QUẢ	Ghi chú
501	501	Trịnh Thị Xuân	03/04/1991	Tỉnh Bắc Ninh	024191013973	18/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	78	93	Đạt	
502	502	Lưu Thị Xuyên	02/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031188008832	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	85	92	Đạt	
503	503	Lê Đăng Xuyên	17/05/1982	Thành Phố Hà Nội	001082002342	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	71	90	Đạt	
504	504	Nguyễn Thị Ngọc Yến	12/04/1987	Thành phố Hải Phòng	031187005144	07/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Vắng	Vắng	Vắng	
505	505	Nguyễn Thị Yến	06/01/1981	Tỉnh Bắc Ninh	027181008705	30/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	56	83	Không đạt	
506	506	Hoàng Thị Yến	12/02/1992	Tỉnh Ninh Bình	035192002658	24/10/2024	Bộ Công an	95	88	Đạt	
507	507	Nguyễn Thị Hải Yến	24/11/1991	Thành phố Hải Phòng	031191008861	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	82	98	Đạt	
508	508	Vũ Hải Yến	02/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031193004856	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	96	99	Đạt	
509	509	Trần Hải Yến	10/04/1987	Thành phố Hải Phòng	031187000318	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	80	93	Đạt	
510	510	Lê Hải Yến	24/07/1999	Thành phố Hà Nội	001199025977	09/09/2024	Bộ Công an	80	94	Đạt	